

TRANH CHẤP SỞ HỮU TRÍ TUỆ XUYÊN BIÊN GIỚI TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ TẠI VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH PHÁP LUẬT ÁP DỤNG

PGS-TS PHAN HOÀI NAM

Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh
Faculty of International Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: phnam@hcmulaw.edu.vn

THS BÙI HUY THÔNG

Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh
Faculty of International Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: bhthong@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết nhằm làm rõ những khó khăn trong việc xác định luật điều chỉnh các tranh chấp sở hữu trí tuệ xuyên biên giới trên môi trường số tại Việt Nam và đề xuất hướng hoàn thiện. Bằng phương pháp phân tích và so sánh pháp luật, bài viết nghiên cứu ba nguyên tắc chọn luật chủ yếu: lãnh thổ, luật nơi yêu cầu bảo hộ và tự do lựa chọn luật, đồng thời đánh giá khung pháp lý Việt Nam so với các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là pháp luật EU và Hướng dẫn Kyoto. Kết quả cho thấy pháp luật Việt Nam còn thiếu tiêu chí xác định nơi vi phạm, tính linh hoạt còn thấp và cơ chế phối hợp quốc tế còn hạn chế. Bài viết đề xuất sửa đổi Điều 679 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 theo hướng “mối liên hệ gần bó nhất”, ban hành hướng dẫn về nơi vi phạm và tăng cường nội luật hóa các chuẩn mực quốc tế.

Từ khóa: chọn luật, môi trường kỹ thuật số, xung đột pháp luật, tranh chấp SHTT

Abstract

The article aims to clarify the difficulties in determining the governing law for cross-border intellectual property disputes in the digital environment in Vietnam and to propose directions for improvement. Using analytical and comparative legal methods, the study examines three main choice-of-law principles: territoriality, the law of the place of protection, and party autonomy. It also assesses the Vietnamese legal framework in comparison with international standards, particularly EU law and the Kyoto Guidelines. The findings show that Vietnamese law lacks clear criteria for identifying the place of infringement, offers limited flexibility, and faces constraints in international cooperation. The article proposes amending Article 679 of the 2015 Civil Code in line with the “most significant relationship” approach, issuing guidance on determining the place of infringement, and strengthening the incorporation of international standards into domestic law.

Keywords: choice of law, conflict of laws, digital environment, intellectual property disputes

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.743>

Ngày nhận bài: 13/10/2025

Ngày duyệt đăng: 02/4/2026

1. Khái quát về vấn đề xác định pháp luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp sở hữu trí tuệ xuyên biên giới

1.1. Thách thức của tính lãnh thổ trong một thế giới số không biên giới và tầm quan trọng của lựa chọn luật trong tranh chấp trực tuyến

Môi trường số đang làm thay đổi căn bản cách sáng tạo, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), đồng thời làm gia tăng nhanh chóng số lượng tranh chấp xuyên biên giới. Đối với Việt Nam, quá trình hội nhập vào nền kinh tế số đặt ra thách thức lớn trong bối cảnh tư pháp quốc tế, đặc biệt là vấn

đề xác định pháp luật áp dụng, xuất phát từ sự mâu thuẫn giữa tính lãnh thổ của quyền SHTT và tính phi lãnh thổ của Internet.

Đặc tính mở và kết nối toàn cầu của internet khiến các nguyên tắc lãnh thổ truyền thống giảm hiệu lực trong việc quản lý, kiểm soát và xử lý vi phạm quyền SHTT. Hệ quả là một hành vi vi phạm quyền SHTT trực tuyến có thể đồng thời bị điều chỉnh bởi nhiều hệ thống pháp luật khác nhau, khiến việc xác định luật áp dụng trở nên phức tạp và gây tranh cãi. Sự khác biệt giữa tính lãnh thổ của luật SHTT và tính phi biên giới của môi trường số dẫn đến tình trạng nhiều hệ thống pháp luật của các quốc gia có khả năng áp dụng điều chỉnh, gây thiếu rõ ràng pháp lý, tăng gánh nặng tuân thủ và rủi ro cho chủ thể trên môi trường số. Việc áp dụng luật hoặc cơ quan tài phán không hợp lý có thể làm thay đổi kết quả tranh chấp, do sự khác biệt lớn trong quy định về SHTT và tư pháp quốc tế giữa các quốc gia.¹

Bên cạnh đó, việc thiếu vắng các chuẩn mực quốc tế thống nhất về thẩm quyền và lựa chọn luật đã tạo điều kiện cho hiện tượng “forum shopping”,² khi các bên tìm kiếm cơ quan có thẩm quyền pháp lý thuận lợi nhất cho mình. Thực tiễn này dẫn đến kết quả xét xử khó lường, tiềm ẩn sự thiếu công bằng và làm suy yếu tính dự đoán của pháp luật quốc tế, đồng thời đe dọa sự công bằng trong xét xử. Do đó, nhu cầu hài hòa hóa pháp luật, tăng cường hợp tác quốc tế hoặc phát triển các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế hiệu quả thay thế trở nên ngày càng rõ rệt.

Thực tiễn tại Việt Nam đã phản ánh rõ nét những thách thức nêu trên. Vụ VNG Corporation khởi kiện TikTok Inc. kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 là một minh chứng điển hình.³ VNG cáo buộc TikTok sử dụng trái phép 150 bản ghi âm thuộc quyền sở hữu của Zing, một công ty con của VNG, trong hơn 11 triệu video trên nền tảng, đồng thời yêu cầu bồi thường hơn 221 tỷ đồng. Về mặt thẩm quyền tài phán, tòa án Việt Nam có thể xác lập thẩm quyền dựa trên Điều 469(1)(đ) BLTTDS năm 2015, với lập luận rằng đối tượng tranh chấp, quyền SHTT của Zing, là “tài sản trên lãnh thổ Việt Nam.” Tuy nhiên, đây chỉ là bước đầu tiên và đơn giản nhất trong chuỗi vấn đề pháp lý phức tạp mà vụ kiện đặt ra dưới góc nhìn của tư pháp quốc tế. Câu hỏi về luật áp dụng theo Điều 679 BLDS năm 2015 vốn ghi nhận nguyên tắc *lex loci protectionis*, trở nên nan giải khi hành vi vi phạm diễn ra đồng thời tại hàng chục quốc gia nơi TikTok đang hoạt động. Hơn nữa, TikTok Inc. là pháp nhân đăng ký tại Hoa Kỳ, không có trụ sở hay tài sản tại Việt Nam, khiến việc tổng đạt văn bản tư pháp và thi hành phán quyết, nếu được ban hành, đều đối mặt với những rào cản thực tiễn nghiêm trọng. Vụ

1 Kopal Tewari, “Cross-border intellectual property disputes: Challenges and legal strategies for global businesses”, *Indian Journal of Integrated Research in Law*, Vol. 5(1), 2025, tr. 603-612.

2 Nguyễn Thị Hồng Yến, “Công nhận và cho thi hành bản án dân sự của Tòa án nước ngoài, kinh nghiệm của Pháp”, 2023, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, <https://tapchitoaan.vn/cong-nhan-va-cho-thi-hanh-ban-an-dan-su-cua-toa-an-nuoc-ngoai-kinh-nghiem-cua-phap>, truy cập ngày 15/02/2026.

3 DTD & Associates, “TikTok v VNG: Concern about jurisdiction on dispute settlement”, 2023, *DTD & Associates*, <https://dtd.com.vn/en/tiktok-v-vng-concern-about-jurisdiction-on-dispute-settlement-a125.html>, truy cập ngày 15/02/2026.

kiện VNG–TikTok vì vậy không chỉ là tranh chấp bản quyền, mà còn phơi bày khoảng trống pháp lý căn bản của hệ thống tư pháp quốc tế Việt Nam trước các tranh chấp SHTT xuyên biên giới trong môi trường số.

1.2. Nguyên tắc xác định pháp luật áp dụng trong tranh chấp sở hữu trí tuệ xuyên biên giới

1.2.1. Nguyên tắc lãnh thổ (territoriality principle)

Theo nguyên tắc lãnh thổ là nền tảng của pháp luật SHTT quốc tế, quyền SHTT chỉ có hiệu lực trong phạm vi quốc gia cấp quyền (hay đăng ký bảo hộ) và không tự động được bảo hộ ở nước khác. Nguyên tắc này giúp các quốc gia xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với trình độ phát triển, đồng thời là cơ sở để xác định pháp luật áp dụng trong các tranh chấp có tính xuyên biên giới. Tuy nhiên, trong môi trường số, hành vi vi phạm quyền SHTT dễ dàng vượt qua biên giới thông thường, dẫn đến tình trạng xung đột pháp luật. Báo cáo của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (*World Intellectual Property Organization, WIPO*) và các nghiên cứu gần đây nhấn mạnh rằng cần có cách tiếp cận linh hoạt hơn, như cho phép lựa chọn luật áp dụng hoặc dựa vào nơi có tác động thương mại chủ yếu, nhằm thích ứng với thực tiễn toàn cầu hóa và số hóa.⁴

Nguyên tắc lãnh thổ trong tư pháp quốc tế khẳng định rằng mỗi quốc gia chỉ có quyền lập pháp và thực thi pháp luật trong phạm vi lãnh thổ của mình, và pháp luật của quốc gia này không tự động áp dụng tại quốc gia khác, trừ khi được thừa nhận thông qua điều ước quốc tế hoặc dựa trên nguyên tắc “comity”⁵ (sự tôn trọng lẫn nhau giữa các hệ thống pháp luật). Theo đó, mọi quyền và nghĩa vụ pháp lý, từ việc xác lập, thực thi đến bảo vệ quyền, đều bị giới hạn trong phạm vi địa lý nơi pháp luật đó có hiệu lực.

1.2.2. Nguyên tắc luật nơi có quyền được yêu cầu bảo hộ (lex loci protectionis)

Nguyên tắc luật nơi có quyền được yêu cầu bảo hộ (*lex loci protectionis*) quy định rằng quyền SHTT chỉ được bảo vệ theo pháp luật của quốc gia nơi quyền đó được đăng ký hoặc yêu cầu bảo hộ.⁶ Đây là sự tiếp nối của nguyên tắc lãnh thổ trong SHTT, khiến cá nhân và tổ chức phải tuân thủ pháp luật sở tại khi đăng ký, đồng thời phát sinh chi phí và thủ tục nếu muốn mở rộng phạm vi bảo hộ sang nhiều quốc gia. Công ước Berne (Điều 5) và Hiệp định TRIPS đã cố gắng hài hòa hóa các quy định, nhưng quyền SHTT vẫn phụ thuộc vào từng hệ thống pháp luật quốc gia. Liên minh châu Âu đã chính thức hóa nguyên tắc này trong Quy chế Rome II (Điều 8), khẳng định rằng luật của quốc gia nơi yêu cầu bảo hộ sẽ được áp dụng trong tranh chấp SHTT. Tòa án Công lý Quốc tế (*International Court of Justice, ICJ*) hoặc Bể cũng công nhận nguyên tắc này trong thực tiễn xét xử.⁷

4 Ann Bennett, Sam Granata, *When private international law meets intellectual property law: A guide for Judges*, WIPO & HCCH, Geneva, 2019.

5 Dư Ngọc Bích, “Công nhận và thi hành bản án quyết định dân sự của tòa án nước ngoài, phải chăng nguyên tắc có đi có lại là giải pháp?”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 01, 2004, tr. 221–227.

6 Ann Bennett, Sam Granata, *ltd*, 2019.

7 Ivana Kunda, “IPL and PIL – Exchanging glances over territoriality”, *IIC - International Review of Intellectual Property and Competition Law*, Vol. 55(8), 2024, tr. 1051–1054. DOI: <https://doi.org/10.1007/s40319-024-01513-0>

Tuy nhiên, trong môi trường số, nguyên tắc này bộc lộ nhiều hạn chế: hành vi vi phạm trực tuyến thường có tác động toàn cầu, dẫn đến việc nhiều hệ thống pháp luật cùng được áp dụng trong một vụ kiện, gây gánh nặng cho tòa án và chủ sở hữu quyền SHTT. Sự khác biệt về pháp luật giữa các quốc gia khiến việc giải quyết tranh chấp xuyên biên giới trở nên phức tạp, đặc biệt khi mỗi nước có quy định khác nhau về thời hạn bảo hộ, quyền lợi tác giả và thủ tục thực thi. Do đó, cần xây dựng cơ chế pháp lý linh hoạt hơn, phù hợp với môi trường số và toàn cầu hóa.

1.2.3. Nguyên tắc tự do lựa chọn luật áp dụng (*party autonomy*)

Nguyên tắc tự do lựa chọn luật áp dụng (*party autonomy*) cho phép các bên trong hợp đồng SHTT tự thỏa thuận về pháp luật điều chỉnh. Đây là biểu hiện của quyền tự do ý chí trong tư pháp quốc tế, giúp các bên chủ động xác định khung pháp lý phù hợp cho các giao dịch xuyên biên giới. Nguyên tắc này mang lại nhiều lợi ích như tính linh hoạt, khả năng dự đoán pháp lý và sự ổn định trong thương mại quốc tế, đồng thời giúp giảm thiểu xung đột pháp luật giữa các hệ thống khác nhau.⁸

Chỉ thị (EU) 2019/790 của EU về Bản quyền trong thị trường kỹ thuật số quy định rằng các quyền của tác giả và người biểu diễn (như nghĩa vụ minh bạch, cơ chế điều chỉnh hợp đồng, giải quyết tranh chấp) không thể bị từ bỏ thông qua hợp đồng.⁹ Điều này cho thấy tự do thỏa thuận lựa chọn luật không phải là tuyệt đối, mà vẫn chịu sự giới hạn bởi các quy định bảo vệ quyền lợi tối thiểu. Bên cạnh đó, Quy chế Rome I tại Điều 3(3) khẳng định rằng nếu luật mặc định có quy định bảo vệ cao hơn, thì các quy định này sẽ được ưu tiên áp dụng, bất kể lựa chọn của các bên.¹⁰ Nguyên tắc này cũng được Công ước Rome về lựa chọn luật điều chỉnh hợp đồng thừa nhận, cho phép các bên chọn pháp luật của bất kỳ quốc gia nào để áp dụng cho hợp đồng, kể cả hợp đồng liên quan đến quyền SHTT. Tuy nhiên, sự tự do này vẫn bị giới hạn bởi các quy định bắt buộc (*overriding mandatory provisions*) và chính sách công (*public policy*).¹¹

Trong môi trường số, nguyên tắc tự do lựa chọn luật áp dụng càng trở nên quan trọng vì các giao dịch SHTT thường diễn ra trên nhiều nền tảng và thị trường khác nhau, tạo dựng môi trường linh hoạt và ổn định cho giao dịch quốc tế. Nó giúp các bên giảm rủi ro, tăng khả năng dự đoán kết quả pháp lý và thúc đẩy sự liên kết giữa các hệ thống pháp luật khác nhau. Tuy nhiên, nó cũng gặp thách thức khi hành vi vi phạm quyền SHTT thường bị ràng buộc bởi luật nơi đăng ký bảo hộ (*lex loci protectionis*), đặc biệt đối với quyền đã đăng ký như sáng chế và nhãn hiệu. Điều này khiến cho việc áp dụng tự do lựa chọn luật trong các tranh chấp vi phạm trở nên hạn chế.

8 Ann Bennett, Sam Granata, *tlld*, 2019

9 Directive (EU) 2019/790 of the European Parliament and of the Council of 17 May 2019 on copyright and related rights in the Digital Single Market and amending Directives 96/9/EC and 2001/29/EC, [2019] OJ L130/92.

10 Regulation (EC) No 593/2008 of the European Parliament and of the Council of 17 June 2008 on the law applicable to contractual obligations (Rome I), [2008] OJ L177/6.

11 Trevor C. Hartley, *International commercial litigation: Text, cases and materials on private international law*, 2nd edn, Cambridge University Press, Cambridge, 2015.

2. Khung pháp lý hiện hành của Việt Nam, EU và một số nước về vấn đề xác định pháp luật áp dụng trong tranh chấp sở hữu trí tuệ trên môi trường số

2.1. Pháp luật Việt Nam

Việt Nam đã tích cực hội nhập vào hệ thống pháp luật quốc tế về SHTT thông qua việc tham gia các hiệp định quan trọng như TRIPS, Công ước Berne, Công ước Paris, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (*European-Vietnam Free Trade Agreement*, EVFTA) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (*Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership*, CPTPP).¹² Các hiệp định này đặt ra nghĩa vụ bảo đảm hệ thống pháp luật quốc gia có khả năng xử lý tranh chấp SHTT một cách công bằng, hiệu quả và không phân biệt đối xử. Tuy nhiên, chúng không quy định cụ thể hệ thuộc luật, mà ngầm thừa nhận nguyên tắc luật của quốc gia nơi yêu cầu bảo hộ sẽ được áp dụng. Trong thực tiễn, Việt Nam đã có những bước tiến trong việc nội luật hóa các chuẩn mực quốc tế thông qua BLDS và Luật SHTT. Tuy nhiên, các quy định này vẫn chưa đủ chi tiết để giải quyết các tranh chấp phức tạp trên môi trường số, đặc biệt khi hành vi vi phạm xuyên biên giới.¹³ Các hiệp định như CPTPP và EVFTA khuyến khích minh bạch hóa pháp luật và đa dạng hóa phương thức giải quyết tranh chấp, bao gồm trọng tài và lựa chọn luật áp dụng, nhưng Việt Nam chưa có cơ chế rõ ràng để thực hiện đầy đủ.

Trong bối cảnh các tranh chấp SHTT ngày càng diễn ra phổ biến trên không gian mạng, khung pháp lý hiện hành của Việt Nam đã là bước đầu thiết lập nền tảng để xác định pháp luật áp dụng trong các vụ việc có yếu tố nước ngoài. Việt Nam đã xây dựng một hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ để bảo vệ quyền SHTT, tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc giải quyết các tranh chấp trong môi trường số. Luật Sở hữu trí tuệ xác lập và bảo hộ quyền SHTT theo nguyên tắc lãnh thổ, trong khi Bộ luật Dân sự năm 2015 điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, giúp xác định pháp luật áp dụng cho tranh chấp SHTT xuyên biên giới; trong đó, Điều 679 nêu rõ rằng “Quyền SHTT được xác định theo pháp luật của nước nơi đối tượng quyền SHTT được yêu cầu bảo hộ”.¹⁴ Có thể thấy, quy định quyền SHTT được xác định theo luật nơi yêu cầu bảo hộ, nhưng trong môi trường số, nguyên tắc này gặp nhiều hạn chế. Tính phi lãnh thổ của internet và sự khác biệt pháp lý giữa các quốc gia đòi hỏi cách tiếp cận linh hoạt hơn trong bảo vệ quyền SHTT xuyên biên giới. Dù đã có các quy định như Thông tư 02/2008, Luật An ninh mạng và Luật Giao dịch điện tử, việc xử lý vi phạm SHTT trên môi trường số vẫn gặp nhiều thách thức, nhất là với yếu tố nước

12 Nguyễn Minh Trang, Nguyễn Phương Quỳnh, “Vietnam’s compliance with international IP agreements”, *The International Journal of Business Management and Technology*, Vol. 8(5), 2024, tr. 97-132.

13 Rouse, *IP Enforcement Manual – Vietnam*, Rouse Legal, Hà Nội, 2023, <https://rouse.com/media/fbaj4eps/ip-enforcement-manual-vietnam.pdf>, truy cập ngày 15/02/2026.

14 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 2015.

ngoài. Áp dụng Điều 679 BLDS năm 2015 vào tranh chấp trực tuyến có thể dẫn đến mâu thuẫn pháp lý, đòi hỏi cải cách và phối hợp pháp luật phù hợp với bối cảnh số hóa toàn cầu.

Vụ tranh chấp bản quyền giữa Sconnect (Việt Nam) và Entertainment One (Anh) liên quan đến nhân vật Wolfoo và Peppa Pig là minh chứng điển hình cho sự phức tạp của sở hữu trí tuệ trong môi trường số.¹⁵ Trên nền tảng YouTube, cùng một tranh chấp lại được giải quyết song song tại ba hệ thống pháp luật khác nhau. Tại Nga, eOne khởi kiện nhưng sau giám định nghệ thuật, Tòa án Moscow kết luận Wolfoo là sáng tạo độc lập và buộc eOne rút đơn.¹⁶ Ngược lại, tại Anh, eOne vẫn theo đuổi vụ kiện về quyền tác giả và nhãn hiệu, đồng thời yêu cầu YouTube gỡ hàng nghìn video Wolfoo, bất chấp phán quyết từ Nga. Trong bản án sơ bộ số EWHC 3295 (Ch) ngày 23/12/2022, Tòa án Cấp cao London đã xác định thẩm quyền xét xử dựa trên lập luận của eOne rằng Sconnect đã có mục tiêu khai thác thị trường Anh. eOne đưa ra bằng chứng về lượng người xem lớn tại Anh, nội dung gắn với văn hóa Anh, quảng cáo hiển thị bằng GBP và thiệt hại trực tiếp đến danh tiếng Peppa Pig tại lãnh thổ này. Đồng thời, eOne cho rằng Anh là quyền tài phán vì nơi đây có nhân chứng, tác phẩm gốc được hình thành và hệ thống pháp luật tương đồng với EU. Ngược lại, Sconnect phản đối thẩm quyền, khẳng định Việt Nam mới là nơi phù hợp nhất vì đây là nơi đặt trụ sở, sáng tạo Wolfoo và lưu trữ bằng chứng gốc; đồng thời phủ nhận việc nhắm mục tiêu vào Anh, cho rằng khán giả tại Anh chỉ là hệ quả tự nhiên của internet.

Ngày 17/7/2024, TAND TP Hà Nội ban hành Thông báo ủy thác tư pháp, yêu cầu Sconnect dịch thuật, công chứng và gửi hồ sơ vụ kiện sang Anh cho bị đơn eOne.¹⁷ Đến cuối tháng 7/2024, thủ tục tố tụng đã hoàn tất, mở đường cho việc xét xử tại Việt Nam. Song song, YouTube, bên liên quan cũng đang được Tòa án thực hiện ủy thác tư pháp. Trước đó, Sconnect đã khởi kiện eOne tại Hà Nội từ tháng 8–9/2022 về hành vi xâm phạm quyền tác giả và nhãn hiệu Wolfoo, đồng thời yêu cầu bồi thường và cải chính công khai. Trong khi tại Nga, Sconnect đã thắng kiện từ tháng 7/2022, thì tại Anh, eOne vẫn theo đuổi vụ kiện với cáo buộc Wolfoo vi phạm bản quyền. Các cơ quan quản lý Việt Nam nhiều lần gửi văn bản yêu cầu YouTube khôi phục video Wolfoo, phản ánh nỗ lực bảo vệ doanh nghiệp nội địa. Đây là minh chứng rõ nét cho sự phân mảnh pháp lý trong môi trường số, khi cùng một tranh chấp lại bị xử lý khác nhau ở nhiều quốc gia, gây ra mâu thuẫn phán quyết và chi phí tố tụng khổng lồ.

15 Marks & Clerk, “Peppa Pig v Wolfoo: clash of the cartoons”, 13/03/2023, <https://www.marks-clerk.com/insights/latest-insights/102jv74-peppa-pig-v-wolfoo-clash-of-the-cartoons>, truy cập ngày 15/02/2026.

16 Thái Khang, “VN studio compensated in copyright dispute in Russia”, *Vietnamnet Global*, 2022, <https://vietnamnet.vn/en/vn-studio-compensated-in-copyright-dispute-in-russia-2101470.html>, truy cập ngày 15/02/2026.

17 Hoài Hương, “Diễn biến mới nhất trong vụ Sconnect kiện eOne tại TAND TP Hà Nội”, *Sconnect*, 2024, <https://sconnect.com.vn/dien-bien-moi-nhat-trong-vu-sconnect-kien-eone-tai-tand-tp-ha-noi/>, truy cập ngày 15/02/2026.

2.2. Pháp luật Liên minh châu Âu

EU ưu tiên nguyên tắc lãnh thổ và luật nơi đăng ký bảo hộ trong tranh chấp SHTT: với nghĩa vụ ngoài hợp đồng (xâm phạm quyền), Điều 8 Rome II yêu cầu áp dụng luật của quốc gia nơi quyền được yêu cầu bảo hộ; riêng với quyền SHTT “cộng đồng” có hiệu lực toàn EU (như nhãn hiệu EU, kiểu dáng cộng đồng), luật áp dụng là của quốc gia thành viên nơi vi phạm xảy ra.¹⁸ Trong khuôn khổ Quy chế Rome II về luật áp dụng cho nghĩa vụ ngoài hợp đồng, khoản 2 Điều 8 đặc biệt quy định về quy phạm xung đột pháp luật áp dụng đối với các quyền SHTT cộng đồng (*EU-wide intellectual property rights*), chẳng hạn như nhãn hiệu Liên minh châu Âu (*European Union Trade Mark Regulation*, EUTMR) hoặc kiểu dáng công nghiệp cộng đồng. Theo đó, pháp luật điều chỉnh nghĩa vụ phát sinh từ hành vi xâm phạm là pháp luật nơi hành vi vi phạm được thực hiện, ngay cả khi quyền SHTT đó mang tính hiệu lực thống nhất và đồng nhất trên toàn lãnh thổ EU. Điều này phản ánh nguyên tắc lãnh thổ hóa trong hệ thống SHTT châu Âu, nơi mà dù quyền được cấp và bảo hộ ở cấp độ quốc gia, việc thực thi và khắc phục hậu quả vi phạm vẫn bị ràng buộc bởi các quy định nội luật của quốc gia cụ thể nơi xảy ra hành vi bất hợp pháp, nhằm đảm bảo tính khả thi và phù hợp với hệ thống tư pháp quốc gia.

Tuy nhiên, trong bối cảnh các tranh chấp SHTT xuyên biên giới trên môi trường số, nơi hành vi xâm phạm thường mang tính lan tỏa đa quốc gia do đặc tính phi lãnh thổ của không gian mạng, cách tiếp cận này có thể dẫn đến những phức tạp đáng kể về thẩm quyền tài phán và áp dụng pháp luật. Ví dụ, một hành vi vi phạm trực tuyến như phân phối trái phép nội dung bản quyền qua nền tảng kỹ thuật số có thể đồng thời tác động đến lợi ích tại nhiều quốc gia thành viên EU, buộc Tòa án phải đối mặt với nguy cơ áp dụng song song nhiều hệ thống pháp luật quốc gia, dẫn đến tình trạng phân mảnh pháp lý, mâu thuẫn phán quyết và gia tăng chi phí tố tụng cho các bên đương sự.

Để khắc phục những hạn chế này, Tòa án Công lý Liên minh châu Âu (*Court of Justice of the European Union*, CJEU) thường khuyến khích và áp dụng các biện pháp hài hòa hóa pháp luật ở cấp độ EU, thông qua việc tham chiếu đến các quy phạm pháp lý thống nhất như Chỉ thị 2001/29/EC về hài hòa hóa một số khía cạnh của quyền tác giả và quyền liên quan trong xã hội thông tin (*InfoSoc Directive*), Quy chế (EU) 2017/1001 về Nhãn hiệu Liên minh châu Âu (*EUTMR Regulation*), hoặc Quy chế (EC) số 6/2002 về Kiểu dáng công nghiệp cộng đồng. Những công cụ này không chỉ cung cấp các tiêu chuẩn tối thiểu về bảo hộ và thực thi quyền SHTT mà còn cho phép Tòa án quốc gia áp dụng một cách tiếp cận toàn diện hơn, giảm thiểu nhu cầu phân tích riêng lẻ từng hệ thống pháp luật quốc gia.

Chẳng hạn, trong các vụ việc như *GS Media BV v. Sanoma Media Netherlands BV* (C-160/15),¹⁹ CJEU phán quyết việc đặt liên kết (*hyperlink*)

18 European Union Intellectual Property Office (EUIPO), “Recent case-law – Trade marks and designs”, *EUIPO Official Website*, 2025, <https://www.euipo.europa.eu/en/law/recent-case-law>, truy cập ngày 15/02/2026.

19 Case C-160/15 *GS Media BV v Sanoma Media Netherlands BV*, EU:C:2016:644, [2016] BUS LR 1231.

đến nội dung vi phạm có thể cấu thành hành vi “truyền đạt tới công chúng” nếu người liên kết có mục đích thương mại và biết (hoặc đáng phải biết) tính bất hợp pháp của nguồn; Tòa dựa vào Chỉ thị 2001/29/EC để tạo chuẩn thống nhất, giảm rủi ro “đa luật” khi áp dụng Rome II cho vi phạm xảy ra ở nhiều nước.²⁰ Cụ thể, CJEU đã ưu tiên áp dụng các nguyên tắc hài hòa hóa từ InfoSoc Directive để đánh giá hành vi xâm phạm liên quan đến đặt liên kết trên các website, từ đó đảm bảo tính nhất quán pháp lý và khả năng dự đoán trong toàn Liên minh, đồng thời hạn chế rủi ro “forum shopping” và chi phí không cần thiết liên quan đến thủ tục tư pháp xuyên biên giới. EU đã ban hành Chỉ thị 2001/29/EC (về bản quyền trong môi trường số) cùng các quy chế thống nhất về nhãn hiệu EU và kiểu dáng cộng đồng để tránh việc phải áp dụng từng luật quốc gia riêng lẻ theo nguyên tắc “luật nơi yêu cầu bảo hộ” (như Rome II). Nhờ đó, khi xảy ra vi phạm trực tuyến, các phán quyết của CJEU đã tạo ra những chuẩn mực chung áp dụng thống nhất cho các hành vi như đặt liên kết, vận hành nền tảng chia sẻ hoặc sàn thương mại điện tử. Kết quả là giảm đáng kể chi phí và thời gian kiện tụng xuyên biên giới cho các bên liên quan.²¹

2.3. Hướng dẫn của Hiệp hội Luật Quốc tế về Sở hữu trí tuệ và tư pháp quốc tế (Kyoto Guidelines): Luật áp dụng²²

Hướng dẫn Kyoto, được thông qua tại Hội nghị toàn thể lần thứ 79 của Hiệp hội Luật Quốc tế (International Law Association, ILA) vào tháng 12/2020, cung cấp một bộ nguyên tắc mềm (soft law) nhằm điều chỉnh các khía cạnh của tư pháp quốc tế tư liên quan đến quyền SHTT. Phần “Luật áp dụng” trong Hướng dẫn này đưa ra các quy tắc cụ thể về việc xác định pháp luật điều chỉnh trong các tranh chấp SHTT xuyên biên giới.²³ Hướng dẫn Kyoto đưa ra các nguyên tắc mềm về tư pháp quốc tế trong lĩnh vực SHTT, xác định pháp luật áp dụng trong tranh chấp xuyên biên giới. *Lex loci protectionis* quy định rằng luật của quốc gia nơi yêu cầu bảo hộ sẽ điều chỉnh hiệu lực, phạm vi bảo vệ, chuyển nhượng và xử lý vi phạm quyền SHTT. Việc xác định quyền sở hữu ban đầu phụ thuộc vào loại quyền: quyền SHTT đăng ký áp dụng luật nơi bảo hộ, còn quyền tác giả thì theo quốc gia có liên hệ chặt chẽ với quá trình sáng tạo. Tranh chấp vi phạm quyền SHTT tuân theo luật của từng quốc gia liên quan, nhưng với hành vi xuyên biên giới, tòa án có thể áp dụng luật có mối liên hệ gần bó nhất, dựa trên nơi gây thiệt hại hoặc nơi cư trú của các bên. Hợp đồng SHTT được điều chỉnh theo luật do các bên thỏa thuận hoặc luật

20 Jones Day, “CJEU grants jurisdiction over foreign IP infringement cases”, *Jones Day Insights*, 2025, <https://www.jonesday.com/en/insights/2025/03/cjeu-grants-jurisdiction-over-foreign-ip-infringement-cases>, truy cập ngày 15/02/2026.

21 Như trên.

22 Marie-Elodie Ancel, Nicolas Binctin, Josef Drexler, Mireille van Eechoud, Jane C Ginsburg, Toshiyuki Kono, Gyooho Lee, Rita Matulionyte, Edouard Treppoz, Dário Moura Vicente, “International law association’s guidelines on intellectual property and private international law (Kyoto Guidelines): Applicable law”, *Journal of Intellectual Property, Information Technology & Electronic Commerce Law (JIPITEC)*, Vol. 12(1), 2021, tr. 44.

23 Như trên.

nơi bên cung cấp dịch vụ cư trú. Quản lý tập thể quyền tác giả tuân theo luật của quốc gia nơi tổ chức có trụ sở hành chính thực tế, đảm bảo minh bạch và hợp tác hiệu quả hoặc luật nơi diễn ra trọng tài với luật nơi quyền được bảo hộ nếu tranh chấp được giải quyết bằng phương thức trọng tài.

Hướng dẫn Kyoto số 21 đưa ra nguyên tắc lựa chọn luật áp dụng trong tranh chấp SHTT.²⁴ Điểm quan trọng là loại trừ *renvoi*, tức chỉ áp dụng các quy định nội dung thực chất của luật được chọn, không bao gồm quy tắc xung đột pháp luật của quốc gia đó. Nếu hợp đồng SHTT không có thỏa thuận chọn luật, Hướng dẫn Kyoto ưu tiên luật của quốc gia có mối liên hệ gần bó nhất với hợp đồng, dựa trên nơi cư trú thường xuyên và nghĩa vụ chính của các bên tại thời điểm ký kết. Trong hợp đồng, hệ thuộc luật hợp đồng điều chỉnh hiệu lực, nội dung và trách nhiệm, nhưng không thể thay đổi bản chất quyền SHTT nếu luật nơi đăng ký bảo hộ quy định quyền đó không thể chuyển nhượng. Khi xảy ra vi phạm, cần kết hợp cả hai: luật hợp đồng để xác định vi phạm hợp đồng, và luật nơi đăng ký bảo hộ để đánh giá mức độ xâm phạm quyền.

Ví dụ tại Hoa Kỳ, theo Đạo luật Bản quyền Hoa Kỳ (17 U.S.C. § 501(b)), quyền khởi kiện vi phạm thuộc về chủ sở hữu quyền độc quyền theo luật nơi đăng ký bảo hộ. Bên được cấp phép phải dựa vào luật hợp đồng để xác định quyền lợi của mình.²⁵ Dù chưa có hiệu lực chính thức, Hướng dẫn Kyoto đã bắt đầu ảnh hưởng đến tư duy pháp lý quốc tế, và trong bối cảnh toàn cầu hóa, nó có thể trở thành công cụ quan trọng giúp cơ quan giải quyết tranh chấp xác định pháp luật áp dụng một cách hiệu quả nhất.

3. Bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp cho Việt Nam

Thứ nhất, với gợi mở chính sách từ Liên minh châu Âu, có thể thấy việc thiết lập một hệ thống pháp lý minh bạch và liên kết khu vực ASEAN nói riêng và khu vực châu Á nói chung là điều cấp thiết, nhằm tạo ra một khung pháp lý đồng bộ cho các tranh chấp xuyên biên giới. EU đã xây dựng một khung pháp lý xuyên biên giới tương đối hoàn chỉnh thông qua Rome I, Rome II. Các văn bản này tạo ra sự dự đoán pháp lý cho doanh nghiệp và cá nhân, giảm thiểu xung đột pháp luật, đồng thời đảm bảo sự thống nhất trong phán quyết tư pháp giữa các quốc gia thành viên. Đây là mô hình hợp tác khu vực thành công, đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử và kinh tế số. Tuy nhiên, EU vẫn gặp thách thức khi phải xử lý các tình huống đặc biệt như vi phạm bản quyền trực tuyến đa quốc gia. Trong những trường hợp này, nguyên tắc lãnh thổ buộc Tòa án phải áp dụng nhiều hệ thống pháp luật cùng lúc, gây tốn kém và phức tạp. Để khắc phục, EU đã sử dụng các công cụ hài hòa hóa như Chỉ thị số 2001/29/EC về Quyền tác giả, Quy chế Nhãn hiệu EU, Quy chế Kiểu dáng cộng đồng nhằm tạo ra chuẩn chung cho toàn khu vực.

24 ILA Committee on Intellectual Property and Private International Law, "Kyoto guidelines on intellectual property and private international law", *Journal of Intellectual Property, Information Technology and E-Commerce Law (JIPITEC)*, Vol. 12(1), 2021, tr. 86.

25 United States Copyright Office, *Title 17 of the United States Code – Copyright Law of the United States*, Washington D.C., <https://www.copyright.gov/title17/>, truy cập ngày 15/02/2026

Thứ hai, với gọi mở chính sách từ Hướng dẫn Kyoto, có thể thấy, khác với EU, Hướng dẫn Kyoto đưa ra cách tiếp cận linh hoạt hơn, đặc biệt phù hợp với môi trường số. Thay vì chỉ dựa vào nguyên tắc lãnh thổ, Hướng dẫn đề xuất xác định luật dựa trên “mối liên hệ gắn bó nhất” với hợp đồng hoặc tranh chấp. Điều này phản ánh đúng bản chất phi lãnh thổ của internet, nơi hành vi vi phạm có thể xảy ra đồng thời ở nhiều quốc gia. Ví dụ, trong một tranh chấp bản quyền trực tuyến, thay vì áp dụng đồng thời luật của 10 quốc gia nơi tác phẩm bị phát tán, tòa án có thể chọn luật của quốc gia có tác động thương mại lớn nhất hoặc nơi có mối liên hệ thực tế mạnh nhất/gắn bó nhất.

Thứ ba, đề xuất cụ thể:

Một là, sửa đổi Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng phân loại linh hoạt hơn: Đối với quyền SHTT đã đăng ký (bằng sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp...), tiếp tục duy trì nguyên tắc “luật nơi yêu cầu bảo hộ” (*lex loci protectionis*). Đối với quyền tự động phát sinh (đặc biệt là quyền tác giả) trong tranh chấp có yếu tố số, chuyển sang áp dụng luật của quốc gia có “mối liên hệ gắn bó nhất” với hành vi tạo ra tác phẩm hoặc hành vi vi phạm. Các tiêu chí xác định mối liên hệ này bao gồm: nơi gây thiệt hại kinh tế – thương mại lớn nhất, quốc gia có đông người dùng bị ảnh hưởng nhất, vị trí máy chủ chính, và các yếu tố khác theo thông lệ quốc tế... Cách tiếp cận này giúp vượt qua hạn chế của nguyên tắc lãnh thổ cứng nhắc trong không gian mạng.

Hai là, Nhà nước cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn chuyên biệt về xác định “nơi xảy ra vi phạm” đối với môi trường trực tuyến. Hướng dẫn cần kết hợp cả yếu tố kỹ thuật (vị trí máy chủ, địa chỉ IP) lẫn yếu tố thực chất (tác động kinh tế, số lượng người dùng bị ảnh hưởng, nơi chủ thể quyền chịu thiệt hại chính). Quy định rõ ràng này sẽ giảm thiểu tranh chấp thẩm quyền, tránh tình trạng mỗi cơ quan lại áp dụng tiêu chí lãnh thổ riêng, đồng thời tạo cơ sở phối hợp hiệu quả với cơ quan nước ngoài.

Ba là, Việt Nam cần nội luật hóa các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, đặc biệt nguyên tắc “mối liên hệ gắn bó nhất” và khả năng áp dụng “một luật thống nhất” cho vi phạm đa quốc gia (theo Điều 21.2 Hướng dẫn Kyoto). Ngoài ra, việc tiếp thu các quy định linh hoạt trong Quy chế Rome II của EU về trách nhiệm ngoài hợp đồng trong lĩnh vực SHTT trên không gian mạng. Việc tiếp thu có chọn lọc này sẽ giúp Việt Nam sở hữu một hệ thống quy phạm xung đột pháp luật có tính dự đoán cao và phù hợp với thực tiễn tranh chấp số.

Cuối cùng, Việt Nam cần chủ động đàm phán và tham gia các điều ước quốc tế chuyên biệt về SHTT trực tuyến, bao gồm các hiệp định song phương hoặc đa phương với các đối tác lớn (Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore...). Các điều ước này nhằm công nhận hiệu lực của thỏa thuận lựa chọn luật áp dụng trong giao dịch SHTT; cũng như công nhận và thi hành các phán quyết dân sự, thương mại liên quan đến vi phạm SHTT trên môi trường số. Việc mở rộng nguyên tắc tự do lựa chọn luật và cơ chế công nhận phán quyết sẽ giảm

đáng kể chi phí, thời gian tố tụng, đồng thời tăng tính hấp dẫn của môi trường pháp lý Việt Nam đối với các doanh nghiệp công nghệ và sáng tạo nội dung toàn cầu.

Kết luận

Việc xác định pháp luật áp dụng trong tranh chấp SHTT xuyên biên giới trên môi trường số đã trở thành vấn đề cấp bách, khi nguyên tắc “luật nơi yêu cầu bảo hộ” truyền thống ngày càng bộc lộ bất cập trước tính phi lãnh thổ của không gian mạng. Qua so sánh khung pháp lý Việt Nam, Liên minh châu Âu và các chuẩn mực mang tính định hướng như Hướng dẫn Kyoto, có thể nhận thấy ba nhóm bất cập lớn trong luật Việt Nam (i) cơ chế chọn luật còn cứng nhắc; (ii) việc xác định nơi xảy ra vi phạm trực tuyến chưa rõ ràng; (iii) sự công nhận còn hạn chế đối với thỏa thuận lựa chọn luật giữa các bên. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu thế quốc tế, Việt Nam cần đẩy nhanh quá trình hoàn thiện pháp luật theo hướng: phân biệt cách áp dụng giữa quyền đã đăng ký và quyền tự động phát sinh; minh bạch hóa cơ chế chọn luật theo hướng ưu tiên “mối liên hệ gần bó nhất”; đồng thời nội luật hóa các chuẩn mực quốc tế tiên tiến nhằm tạo sự hài hòa và khả năng tương thích cao hơn với pháp luật nước ngoài. Song song đó, việc xây dựng hạ tầng pháp lý và công nghệ phục vụ giải quyết tranh chấp trực tuyến cũng là điều kiện then chốt bảo đảm hiệu quả thực thi. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Marie-Elodie Ancel, Nicolas Binctin, Josef Drexl, Mireille van Eechoud, Jane C Ginsburg, Toshiyuki Kono, Gyooho Lee, Rita Matulionyte, Edouard Treppoz, Dário Moura Vicente, “International law association’s guidelines on intellectual property and private international law (Kyoto Guidelines): Applicable law”, *Journal of Intellectual Property, Information Technology & Electronic Commerce Law (JIPITEC)*, Vol. 12(1), 2021
- [2] Ann Bennett, Sam Granata, *When private international law meets intellectual property law: A guide for Judges*, WIPO & HCCH, Geneva, 2019
- [3] Dư Ngọc Bích, “Công nhận và thi hành bản án quyết định dân sự của tòa án nước ngoài, phải chăng nguyên tắc có đi có lại là giải pháp?”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 01, 2004 [trans: Du Ngoc Bich, “Recognition and enforcement of foreign civil judgments and decisions, is reciprocity the solution?”, *Can Tho University Journal of Science*, No. 01, 2004]
- [4] Trevor C. Hartley, *International commercial litigation: Text, cases and materials on private international law*, 2nd edn, Cambridge University Press, Cambridge, 2015
- [5] ILA Committee on Intellectual Property and Private International Law, “Kyoto guidelines on intellectual property and private international law”, *Journal of Intellectual Property, Information Technology and E-Commerce Law (JIPITEC)*, Vol. 12(1), 2021
- [6] Ivana Kunda, “IPL and PIL – Exchanging glances over territoriality”, *IIC - International Review of Intellectual Property and Competition Law*, Vol. 55(8), 2024. DOI: <https://doi.org/10.1007/s40319-024-01513-0>
- [7] Kopal Tewari, “Cross-border intellectual property disputes: Challenges and legal strategies for global businesses”, *Indian Journal of Integrated Research in Law*, Vol. 5(1), 2025
- [8] Nguyen Minh Trang, Nguyen Phuong Quynh, “Vietnam’s Compliance with International IP Agreements”, *The International Journal of Business Management and Technology*, Vol. 8(5), 2024